TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 17/4/2019
V/v tranh chấp Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Liêng Thị Hồng Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bích Liên

2. Bà Tô Phạm Tuyết Nghiêm

- ***Thư ký phiên tòa***: bà Lê Thị Thủy Tiên, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 269/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp Ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Võ Thị Kim C, sinh năm 1987
Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ
Chỗ ở: ấp L, xã P, huyện H, tỉnh Vĩnh Long – Có mặt.

Bi đơn: ông Lê Văn Q, sinh năm 1978
Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn – bà Võ Thị Kim C trình bày: bà và ông Lê Văn Q tự nguyện kết hôn năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do giữa vợ chồng không còn tiếng nói chung, ông Q không có trách nhiệm với vợ con, dù đã được gia đình bên nhiều lần hòa giải nhưng ông Q không thay đổi. Bà và ông Q đã ly thân từ năm 2013 đến nay. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Q. Về con chung, có 01 con chung tên Lê H (nam) sinh ngày 26/02/2013, bà yêu cầu nuôi con, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Võ Thị Kim C và ông Lê Văn Q tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P ngày 15/11/2011 là hôn nhân hợp pháp. Ngày 02/3/2017 bà C có đơn yêu cầu ly hôn và nuôi con, Tòa án nhân dân huyện P thụ lý giải quyết theo thẩm quyền.

[2] Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án tại nơi cư trú của ông Q để thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 21/01/2019, ngày 21/02/2019 nhưng ông Q không đến tham dự nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Tòa án đã hoãn phiên tòa ngày 18/3/2019 do bị đơn không đến, vì vậy, ngày 17/4/2019 bị đơn vắng mặt lần thứ hai, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Do ông Q nhiều lần vắng mặt, không thể hiện ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và các vấn đề khác nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của bà C. Mâu thuẫn giữa bà C và ông Q phát sinh do bất đồng quan điểm, dẫn đến vợ chồng cãi nhau, thời gian kéo dài nhưng không có cách hóa giải. Bà C cho rằng ông Q cờ bạc dẫn đến vợ chồng không còn tài sản gì, đồng thời cũng không lo cho vợ con nhất là từ khi bà sinh con năm 2013. Vợ chồng ly thân thời gian khá lâu nhưng hai bên không liên hệ gì nhau, không còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C.

[4] Về con chung, bà C và ông Q có một người con chung là Lê H (nam) sinh ngày 26/02/2013 hiện tại đang sinh sống với bà C, bà C có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu tiền cấp dưỡng. Cháu H từ nhỏ đã ở với mẹ, ông Q cũng không có yêu cầu giành quyền nuôi con nên Hội đồng xét xử giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm do nguyên đơn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim C đối với ông Lê Văn Q.

- *Về con chung:* giao cháu Lê H (nam) sinh ngày 26/02/2013 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng. Bà C không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Q, không ai được quyền ngăn cản

- *Về tài sản chung và nợ chung:* không đặt ra xem xét.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: bà C nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số 005129 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện P thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- VKSND H. P ;
- Chi cục THADS H. P;
- UBND xã N;
- Lưu HS (2b).

Liêng Thị Hồng Hoa